

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức có đất thu hồi do GPMB để thực hiện công trình Khu tái định cư tại khu đất phía Tây chung cư Nhà ở xã hội Nhơn Bình, tiểu dự án Xây dựng các khu tái định cư, dự án thành phần Tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối cảng Quy Nhơn thuộc dự án Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định (Đợt 02)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 61/2022/TT-BTC ngày 05/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc lập dự toán, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 28/5/2019, Quyết định số 58/2019/QĐ-UBND ngày 09/12/2019, Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 và Quyết định số 30/2023/QĐ-UBND ngày 29/6/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2023/QĐ-UBND ngày 14/5/2023 của UBND tỉnh về việc Ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4360/QĐ-UBND ngày 01/11/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư tại khu đất phía Tây chung cư Nhà ở xã hội Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn;

Căn cứ Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 20/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tiêu dự án Xây dựng các khu tái định cư, dự án thành phần Tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối cảng Quy Nhơn thuộc dự án Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2616/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB thực hiện công trình Khu tái định cư tại khu đất phía Tây chung cư Nhà ở xã hội Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn thuộc dự án thành phần Tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối cảng Quy Nhơn của dự án Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 33/TTr-STNMT ngày 11/01/2024 và đề nghị của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án thành phần Tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối cảng Quy Nhơn của dự án Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định tại Văn bản số 01/TTr-HĐBT ngày 02/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân và tổ chức có đất thu hồi do GPMB để thực hiện công trình Khu tái định cư tại khu đất phía Tây chung cư Nhà ở xã hội Nhơn Bình, tiêu dự án Xây dựng các khu tái định cư, dự án thành phần Tuyến đường từ Quốc lộ 19C kết nối cảng Quy Nhơn thuộc dự án Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định, với nội dung chính như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ và chi phí phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng (2%) là 11.809.461.000 đồng (*Mười một tỷ, tám trăm lẻ chín triệu, bốn trăm sáu mươi một nghìn đồng*), trong đó:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ: 11.577.903.000 đồng;
 - Chi phí phục vụ công tác bồi thường, GPMB (2%): 231.558.000 đồng.
- (Chi tiết có Phụ lục kèm theo).*

2. Nguồn vốn chi trả: Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Ban QLDA Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển

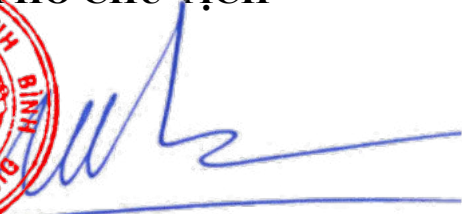
nông thôn, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19 (M12b) 



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**


Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DO GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CÔNG TRÌNH KHU TÁI ĐỊNH CƯ TẠI KHU ĐẤT PHÍA TÂY CHUNG CƯ NHÀ Ở XÃ HỘI NHƠN BÌNH, TIÊU DỤ ÁN XÂY DỰNG CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ, DỰ ÁN THÀNH PHẦN TUYẾN ĐƯỜNG TỪ QUỐC LỘ 19C KẾT NỐI CẢNG QUY NHƠN THUỘC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN TÍCH HỢP THÍCH ỨNG - TỈNH BÌNH ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số liệu đo đạc phục vụ GPMB				Diện tích thu hồi (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ														Tổng cộng	
			Từ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m2)	Loại đất		Bồi thường về đất ở	Bồi thường về đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở	Bồi thường về đất nông nghiệp	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Bồi thường di chuyển tài sản	Hỗ trợ về đất nông nghiệp do sử dụng sai mục đích	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ khác	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở	Hỗ trợ tiền trong thời gian XD nhà	Hỗ trợ hộ gia đình có thân nhân là liệt sĩ		Thưởng đẩy nhanh tiến độ
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)=(8)+...+(22)
1	Nguyễn Ngọc Châu (chết), con Nguyễn Trọng và con dâu Nguyễn Thị Tôn đại diện kê khai	KP 6, P.Nhơn Bình	65	75	566,6	BHK	566,6				398.057.174	69.839.010	5.204.350		84.162.716	0	96.480.000					5.000.000	658.743.250
2	Nguyễn Ngọc Châu (chết), con Nguyễn Trọng đại diện kê khai	KP 6, P.Nhơn Bình	65	74	630,3	ODT+BHK	630,3	825.000.000	164.786.900		519.772.248	42.895.938	13.400.500	3.000.000			1.224.767.500	15.000.000	9.000.000			5.000.000	2.822.623.085
3	Nguyễn Văn Hồng	KP 6, P.Nhơn Bình	65	76	241,5	ODT+BHK	241,5	728.000.000			865.614.250	38.110.160	735.000	5.000.000	21.844.800		0	15.000.000	9.000.000			7.000.000	1.690.304.210
4	Nguyễn Dư (chết), con Nguyễn Văn Dư đại diện kê khai	KP 6, P.Nhơn Bình	65	255	193,3	BHK	193,3			34.152.184		14.935.430	6.365.655			93.142.320	96.480.000						245.075.589
5	Nguyễn Dư (chết), con Nguyễn Văn Dư đại diện kê khai	KP 6, P.Nhơn Bình	65	73	399,1	ODT+BHK	399,1				248.301.175	8.153.090			128.390.000		0					5.000.000	389.844.265
6	Nguyễn Văn Dư và Lê Thị Như Thanh	KP 6, P.Nhơn Bình	65	73	200,0	ODT+BHK	200,0	770.000.000	22.200.000		1.053.554.424	92.849.470	5.932.650	5.000.000			165.000.000	15.000.000	9.000.000			7.000.000	2.145.536.544
7	Trần Thị Nhò (chết), con Trần Thanh Dũng kê khai	KP 6, P.Nhơn Bình	65	40	162,4	LUC	162,4			24.732.576		3.758.400	8.756.000			67.452.480							104.699.456
8	Trần Thị Nhò (chết), con Trần Thanh Dũng kê khai	KP 6, P.Nhơn Bình	65	42	353,4	ODT+BHK	353,4	825.000.000	59.932.600		589.147.991	35.253.866	4.757.100	3.000.000				445.445.000	15.000.000	9.000.000	2.500.000	5.000.000	1.994.036.557

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số liệu đo đạc phục vụ GPMB				Diện tích thu hồi (m2)	Giá trị bồi thường, hỗ trợ														Tổng cộng	
			Tờ bản đồ	Số thửa	Diện tích thửa đất (m2)	Loại đất		Bồi thường về đất ở	Bồi thường về đất vườn trong cùng thửa đất có nhà ở	Bồi thường về đất nông nghiệp	Bồi thường về nhà cửa	Bồi thường về vật kiến trúc	Bồi thường về cây trồng	Bồi thường di chuyển tài sản	Hỗ trợ về đất nông nghiệp do sử dụng sai mục đích	Hỗ trợ tự chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ khác	Hỗ trợ tiền thuê nhà ở	Hỗ trợ tiền trong thời gian XD nhà	Hỗ trợ hộ gia đình có thân nhân là liệt sĩ		Thưởng đẩy nhanh tiến độ
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)=(8)+...+(22)
9	Lê Thị Bán (chết), con Huỳnh Thị Nuôi, Nguyễn Thanh Trà, Nguyễn Tấn Lực đại diện kê khai	KP 6, P.Nhon Binh	65	43	427,0	ODT+ BHK	427,0	825.000.000			532.177.859	63.686.946	8.107.600	3.000.000	66.067.200			0	15.000.000	9.000.000		5.000.000	1.527.039.605
10	UBND phường Nhơn Bình	Đường Đào Tấn, P.Nhon Binh	65	45, 46, 48, 49, 257, 258, 259, 260, 276	9.111,1	LUC, DGT, DTL	5.088,1	0	0	0												0	
A	TỔNG CỘNG GIÁ TRỊ BÔI THƯỜNG, HỖ TRỢ				12.284,7		8.261,7	3.973.000.000	246.919.500	58.884.760	4.206.625.120	369.482.310	53.258.855	19.000.000	300.464.716	160.594.800	192.960.000	1.835.212.500	75.000.000	45.000.000	2.500.000	39.000.000	11.577.903.000
B	CHI PHÍ BÔI THƯỜNG, GPMB (2%)																						231.558.000
TỔNG CỘNG (A+B)																							11.809.461.000